

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị MUA **Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (HSX: PVT)**
Triển vọng giá cước cải thiện

Giá hiện tại:	19,850	Ngày viết báo cáo:	30/11/2022	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây:	36,000	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	323.65	PVN	51.0%
Giá mục tiêu mới:	24,300	Vốn hóa (tỷ đồng)	5,906	PVcomBank	4.95%
Tỷ suất cổ tức:	- %	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	2,017,890	Vietnam Holding Ltd	4.32%
Tiềm năng tăng giá:	22.4%	Sở hữu nước ngoài	14.46%	Korea Investment Management	4.30%

Chuyên viên phân tích ngành:

Dương Quang Minh
(Dầu khí, điện lực)
minhdq@bsc.com.vn

Định giá

▪BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với PVT, và điều chỉnh giá mục tiêu cho năm 2023 xuống **24,300 VND/CP** (tương đương **upside 22.4%** so với giá đóng cửa ngày 29/11/2022 là 19,850 VND/CP) dựa trên hai phương pháp định giá FCFF và P/E với tỷ trọng là 50% - 50%.

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Giá khuyến nghị:
Giá cắt lỗ:

Dự báo kết quả kinh doanh

▪BSC dự báo DTT và LNST năm 2022 của PVT lần lượt là **8,780 tỷ VND (+19.2% YoY)** và **1,113 tỷ VND (+32.8% YoY)**, EPS FW = **2,817 VND/CP** với giả định (1) Giá thuê tàu trung bình tăng 15% YoY nhờ các hợp đồng T/C được điều chỉnh lại với cước cao hơn, và (2) Ghi nhận thêm 200 tỷ VND lợi nhuận từ việc thanh lý tàu PVT Athena.
▪**Năm 2023, BSC dự báo DTT và LNST của PVT lần lượt đạt 11,025 tỷ VND (+25.6% YoY) và 1,202 tỷ VND (+8.0% YoY)**, EPS FW = **3,058 VND/CP** với giả định (1) Giá thuê tàu định hạn tiếp tục tăng 20% YoY, (2) Giá thuê ngày của Đại Hùng Queen tiếp tục giữ ở mức cao, (3) Ghi nhận thêm 60 tỷ VND lợi nhuận từ việc thanh lý tàu Sông Hậu Eagle và PVT Dragon.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



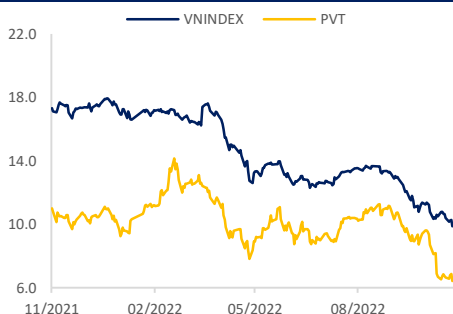
Quan điểm đầu tư

▪Cước phí thuê tàu có xu hướng tăng do nguồn cung bị thắt chặt, và dự báo duy trì mức nền cao trong thời gian tới
▪Cước vận tải của PVT dự kiến tăng trưởng khả quan trong giai đoạn tới nhờ gia hạn các hợp đồng mới kể từ cuối năm 2022.
▪Triển vọng tăng trưởng dài hạn nhờ kế hoạch mở rộng và trẻ hóa đội tàu.

Rủi ro

▪Nga và Châu Âu đạt được thỏa thuận chung về năng lượng, từ đó giảm áp lực lên nguồn cung xăng dầu và khí đốt, khiến cước vận tải giảm xuống
▪Nền kinh tế phục hồi chậm, ảnh hưởng đến nhu cầu vận tải

Bảng so sánh P/E và VN index



Cập nhật doanh nghiệp

▪Trong Q3/2022, DTT của PVT đạt 2,330 tỷ VND (+39% YoY), trong đó DT dịch vụ vận tải đạt 1,807 tỷ VND (+45% YoY), DT dịch vụ hàng hải đạt 202 tỷ VND, tương đương cùng kỳ, và DT thương mại và dịch vụ khác đạt 321 tỷ VND (+38% YoY). Trong khi đó, LNST của PVT tăng đột biến, đạt 386 tỷ VND (+152% YoY) do ghi nhận lợi nhuận khác hơn 200 tỷ VND từ hoạt động thanh lý tàu Athena. Lũy kế 9M2022, DTT của PVT đạt 6,609 tỷ VND (+25% yoy), và LNST đạt 838 tỷ VND (+37% yoy), lần lượt hoàn thành 102% kế hoạch về doanh thu, và 173% kế hoạch về lợi nhuận cả năm.

	2021	2022E	2023F	VN-Index
PE (x)	11.1	6.5	6.0	9.9
PB (x)	1.1	0.8	0.7	1.5
PS (x)	1.0	0.7	0.5	2.8
ROE (%)	12.1	14.1	13.5	17.7
ROA (%)	6.7	7.8	7.6	6.5
EV/ EBITDA (x)	5.8	4.9	4.3	N/A

	2020	2021	2022E	2023F
Doanh thu	7,383	7,368	8,780	11,025
Lợi nhuận gộp	1,119	1,250	1,520	1,929
NPATMI	669	666	912	990
EPS	1,946	2,056	2,817	3,058
Tăng trưởng EPS	-16%	6%	37%	9%
Nợ ròng/ VCSH	18%	27%	38%	40%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 1: Cập nhật tình hình kinh doanh Q3.2022

Tỷ đồng	Q3/2022	Q3/2021	% YoY	9M2022	9M2021	% YoY
Doanh thu thuần	2,330	1,680	38.7%	6,609	5,290	24.9%
- Vận tải	1,807	1,247	44.9%	4,987	3,848	29.6%
- Hàng hải	202	201	0.5%	766	722	6.1%
- Thương mại & Dịch vụ khác	321	232	38.4%	856	720	18.9%
Lợi nhuận gộp	415	282	47.2%	1,146	921	24.4%
%GPM	17.8%	16.8%		17.3%	17.4%	
CP bán hàng	-3	-2	50.0%	-8	-8	0.0%
CP QLDN	-100	-74	35.1%	-260	-214	21.5%
%SG&A/Rev	4.4%	4.5%		4.1%	4.2%	
EBIT	312	206	51.5%	878	699	25.6%
DT tài chính	53	34	55.9%	133	118	12.7%
CP tài chính	-102	-47	117.0%	-225	-112	100.9%
LN khác	212	4		230	47	
LNTT	481	198	142.9%	1,035	766	35.1%
LNST	386	153	152.3%	838	610	37.4%

Nguồn: PVT, BSC Research

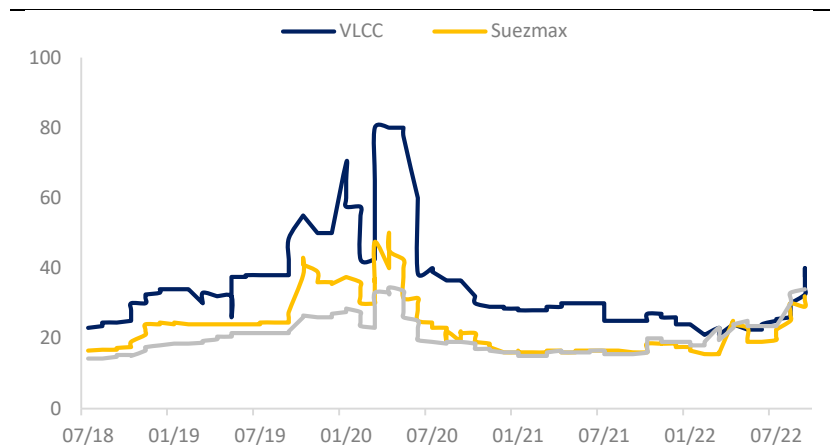
Trong Q3/2022, DTT của PVT đạt 2,330 tỷ VND (+39% YoY), trong đó DT dịch vụ vận tải đạt 1,807 tỷ VND (+45% YoY), DT dịch vụ hàng hải đạt 202 tỷ VND, tương đương cùng kỳ, và DT thương mại và dịch vụ khác đạt 321 tỷ VND (+38% YoY). Trong khi đó, **LNST của PVT tăng đột biến, đạt 386 tỷ VND (+152% YoY)** do ghi nhận lợi nhuận khác hơn 200 tỷ VND từ hoạt động thanh lý tàu Athena.

Lũy kế 9M2022, DTT của PVT đạt 6,609 tỷ VND (+25% yoy), và LNST đạt 838 tỷ VND (+37% yoy), lần lượt hoàn thành 102% kế hoạch về doanh thu, và 173% kế hoạch về lợi nhuận cả năm.

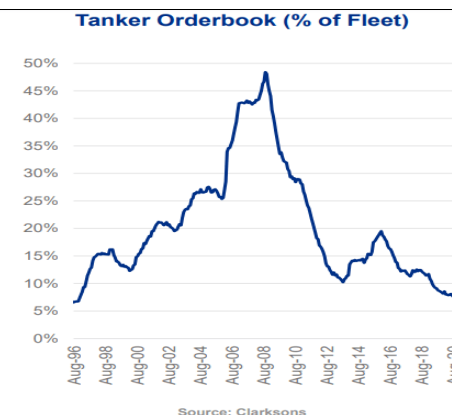
TRIỂN VỌNG KINH DOANH

Giá cước vận tải thế giới có xu hướng tăng trở lại do nguồn cung bị thắt chặt. Theo số liệu của Fearnleys, giá cước thuê tàu ngày và định hạn (T/C) của ngành đã sụt giảm về mức thấp trong 4 năm qua, do ảnh hưởng bởi sự đứt gãy của chuỗi cung ứng do đại dịch. Mặc dù vậy, kể từ tháng 6/2022, cùng với sự phục hồi của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, giá T/C cũng đã có sự cải thiện đáng kể, và vượt qua ngưỡng 35,000 USD/ngày. Nguyên nhân chính là bởi nhu cầu đối với tàu chở dầu đang tăng mạnh kể từ giữa năm nay, khi Liên minh châu Âu EU áp dụng các lệnh trừng phạt về dầu thô đối với Nga, và xu hướng này sẽ tiếp diễn trong thời gian tới, khi lệnh cấm vận của EU đối với dầu và nhiên liệu của Nga duy trì hiệu lực. **Do đó, BSC đánh giá sản lượng vận chuyển dầu thô và thành phẩm qua đường biển sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong thời gian tới, từ đó hỗ trợ tích cực cho cước vận tải và cước phí thuê tàu.**

Hình 1: Biến động giá T/C 5 năm (nghìn USD)



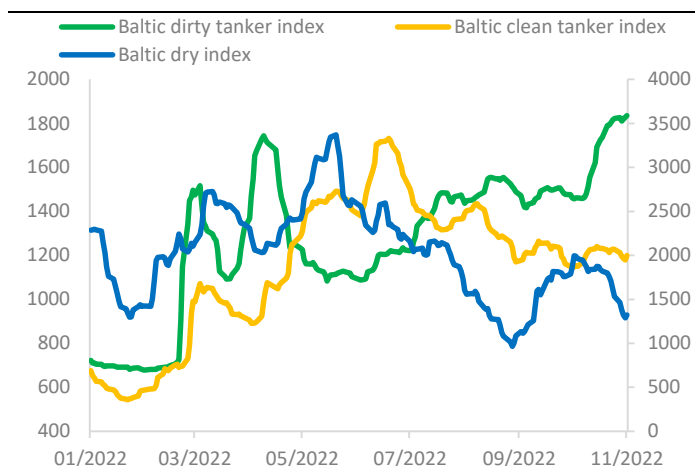
Hình 2: Số lượng tàu dầu đặt mới ở mức thấp



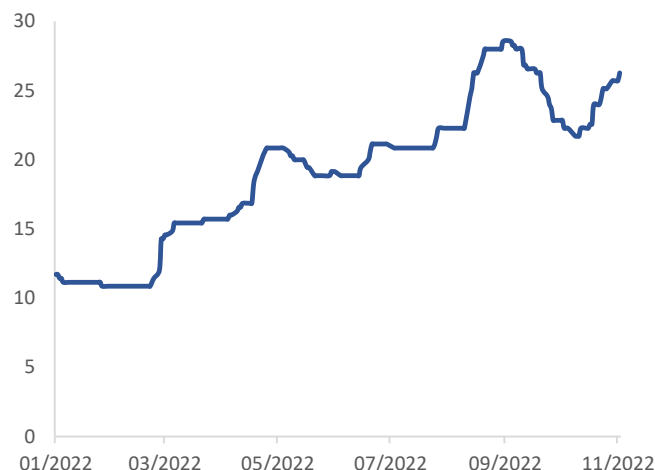
Nguồn: BIMCO, Clarksons, BSC Research

Cước vận tải của PVT dự kiến tăng trưởng khả quan trong giai đoạn tới nhờ gia hạn các hợp đồng mới kể từ cuối năm 2022. Chỉ số về giá cước liên quan tới hoạt động vận tải của PVT như: Cước vận tải dầu thô (Baltic dirty tanker), cước vận tải các sản phẩm từ dầu (Baltic clean tanker) đang trong xu hướng tăng khá mạnh từ đầu năm 2022 đến nay. Bên cạnh đó, tính tới thời điểm tháng 11, cước phí vận tải dầu các tuyến khu vực Đông Nam Á tới các quốc gia như Nhật Bản đã tăng 37% so với 1H2022. Phần lớn các hợp đồng của PVT là cho thuê hạn định (xác định thời hạn thuê), ký thời hạn 3 tháng và tùy chọn gia hạn 3 tháng, và trong giai đoạn cuối năm công ty sẽ thực hiện gia hạn các hợp đồng này. Do đó, chúng tôi kỳ vọng cước phí gia hạn mới sẽ tăng 20% so với năm nay, từ đó củng cố lợi nhuận mảng vận tải của PVT trong giai đoạn cuối năm 2022 và năm sau.

Hình 3: Chỉ số vận tải dầu thô/dầu sản phẩm



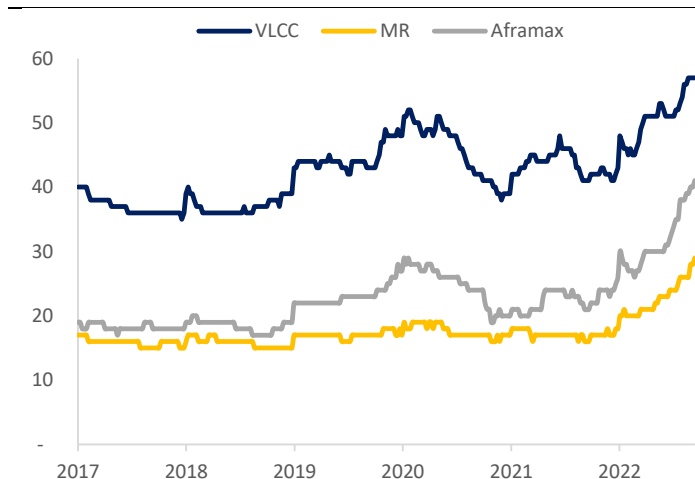
Hình 4: Cước phí vận tải dầu tàu Aframax tuyến Indonesia-Nhật Bản (USD/tấn)



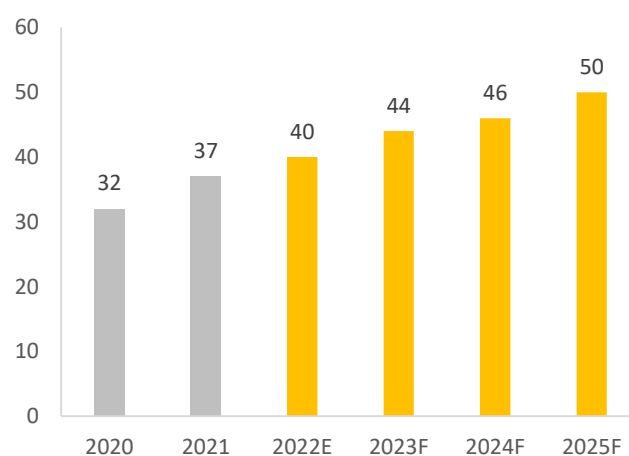
Nguồn: Fearnleys, Bloomberg, BSC Research

Tiếp tục mở rộng đội tàu là động lực tăng trưởng dài hạn của PVT. Với vị thế đầu ngành, việc nâng số lượng tàu sẽ giúp cho triển vọng dài hạn của PVT được đảm bảo hơn nhờ vào các tàu mới chạy tuyến định hạn quốc tế với lợi thế chi phí nhân công rẻ hơn so với các chủ tàu nước ngoài. Về kế hoạch mua tàu VLCC, hiện giá tàu VLCC 10 năm tuổi đang dao động quanh ngưỡng 57 triệu USD, cao hơn 20% so với kế hoạch đầu tư ban đầu của PVT (khoảng 47 triệu USD). Do đó hoạt động mua tàu VLCC trong năm nay có thể gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai. Do đó, chúng tôi dự báo trong năm 2023 PVT sẽ đầu tư thêm khoảng 4 tàu mới, trong đó 1 tàu xăng dầu thành phẩm MR, 1 tàu VLGC, 1 tàu chở hàng rời và xà lan để phục vụ chở than cho dự án nhiệt điện sông Hậu 1.

Hình 4: Giá một số loại tàu dầu thô 10 năm tuổi



Hình 5: Kế hoạch mở rộng đội tàu của PVT



Nguồn: Bloomberg, PVT, BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng KQKD năm 2022 của PVT đạt DTT và LNST lần lượt là **8,780 tỷ VND (+17.9% YoY)** và **1,113 tỷ VND (+31% YoY)**, **EPS FW = 2,799 VND/CP** nhờ (1) Giá thuê tàu trung bình tăng 15% YoY nhờ vào triển vọng nửa cuối năm tích cực khi các hợp đồng T/C được điều chỉnh lại với cước cao hơn; (2) Giá cước thuê ngày FSO/FPSO của Đại Hùng Queen tiếp tục giữ ở mức cao do diễn biến tích cực từ giá dầu thế giới; và (3) Lợi nhuận khác đạt 225 tỷ VND từ hoạt động thanh lý tàu PVT Athena.

Cho năm 2023, BSC dự báo doanh thu và LNST của PVT lần lượt đạt **11,025 tỷ VND (+25.6% YoY)** và **1,202 tỷ VND (+8.0% YoY)**, **EPS FW = 3,058 VND/CP** với giả định:

- Giá thuê tàu định hạn tiếp tục hồi phục 20% YoY nhờ nhu cầu vận chuyển dầu thô tăng.
- PVT đầu tư mua 4 tàu mới trong 2023 gồm: 1 tàu VLCC, 1 tàu Aframax, 2 tàu xăng dầu thành phẩm và 1 tàu hàng rời
- Chưa đưa doanh thu vận chuyển LNG vào trong dự phóng
- Lợi nhuận khác đạt 55 tỷ VND từ việc thanh lý tàu Sông Hậu Eagle và PVT Dragon.

Mặc dù LNST của PVT năm 2023 dự kiến chỉ tăng dưới 10% so với cùng kỳ, tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng năm 2022 có ghi nhận lợi nhuận bất thường từ việc thanh lý tàu cũ. Nếu tách riêng phần lợi nhuận này, thì **thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của PVT sẽ tăng trưởng tới 24% YoY**.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của PVT

Đv: Tỷ VND	2020	2021	2022E	2023F
Doanh thu thuần	7,383	7,368	8,780	11,025
- Vận tải	4,653	5,279	6,388	8,467
- FSO/FPSO	1,576	940	1,052	1,170
- Thương mại & DV khác	1,154	1,152	1,340	1,388
Giá vốn hàng bán	(6,264)	(6,118)	(7,260)	(9,096)
Lợi nhuận gộp	1,119	1,250	1,520	1,929
- Vận tải	721	933	1,156	1,524
- FSO/FPSO	381	276	316	351
- Thương mại & DV khác	17	41	48	54
CP bán hàng	(14)	(10)	(12)	(15)
CP QLDN	(251)	(277)	(330)	(414)
Lãi/lỗ HĐKD	854	963	1,178	1,500
DT tài chính	272	181	182	175
CP tài chính	(174)	(157)	(220)	(262)
LN từ LDLK	34	30	26	34
LN khác	58	38	225	55
LNTT	1,040	1,050	1,391	1,502
LNST	830	838	1,113	1,202
CĐTS	161	172	201	212
LNST - CĐTS	669	666	912	990
EPS	1,946	2,056	2,817	3,058

Nguồn: PVT, BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với PVT, với giá mục tiêu cho năm 2023 là **24,300 VND/CP** (tương đương **upside 22.4%** so với giá đóng cửa ngày 29/11/2022 là 19,850 VND/CP) dựa trên hai phương pháp định giá FCFF và P/E với tỷ trọng là 50% - 50%. PVT hiện đang có mức định giá tương đối hấp dẫn với P/E forward khoảng 6 lần, thấp hơn 1.5 lần so với mức PE trung bình 10 năm. Bên cạnh đó, **chúng tôi cho rằng PVT có tiềm năng tăng trưởng cao trong những năm tới** nhờ vào (1) Giá cước vận tải được cải thiện do nguồn cung bị thắt chặt, và (2) tiềm năng mở rộng và trẻ hoá đội tàu PVT. Rủi ro giảm giá bao gồm (1) Nga và Châu Âu đạt được thỏa thuận chung về năng lượng, từ đó giảm áp lực lên nguồn cung xăng dầu và khí đốt, khiến cước vận tải giảm xuống; và (2) Nền kinh tế phục hồi chậm, khiến nhu cầu về dầu giảm xuống, ảnh hưởng đến nhu cầu vận tải.

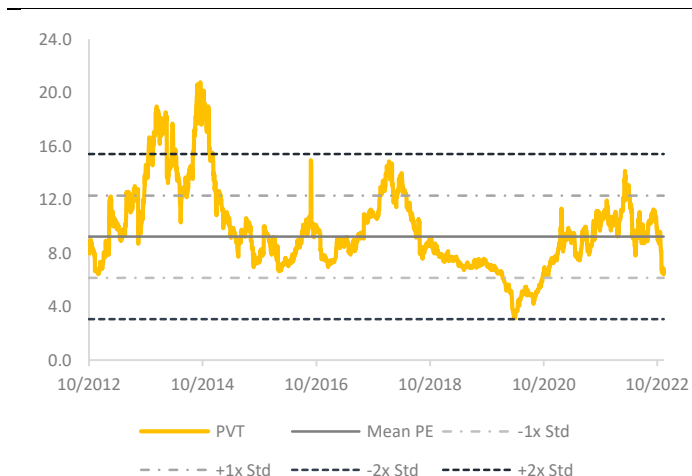
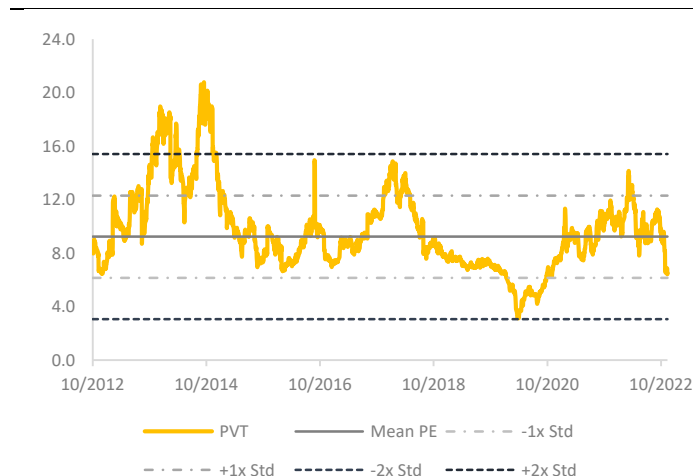
Phương pháp	Định giá (VND/CP)	Tỷ trọng (%)	Giá bình quân
P/E với P/E mục tiêu 8.x	24,460	50%	12,230
FCFF	24,190	50%	12,095
Giá mục tiêu (VND/CP)			24,300
Giá đóng cửa ngày 29/11/2022			19,850
Upside			22.4%

Phương pháp FCFF	2022	2023	2024	2025	2026	Các giả định	
Dòng tiền tự do công ty (FCFF)	-79	-101	1,708	2,286	2,245	Rf	5%
Giá trị chiết khấu dòng tiền tự do	-69	-77	1,124	1,306	1,117	Beta	1.0
PV của giá trị cuối cùng (TV)	8,763					Ke	17.0%
Tổng giá trị chiết khấu	12,164					Kd	12.0%
(+) Tiền & đầu tư ngắn hạn	2,141					WACC	15.0%
(-) Nợ	6,476					g	2%
Tổng giá trị công ty	7,829						
SLCP Lưu hành (triệu)	323.7						
Giá trị hợp lý	24,190						

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Stock PE

Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

	2020	2021	2022E	2023F		2020	2021	2022E	2023F
Doanh thu thuần	7,383	7,368	8,780	11,025	(Lỗ)/LNTT	1,039	1,050	1,391	1,502
Giá vốn hàng bán	-6,264	-6,118	-7,260	-9,096	Khấu hao	877	930	1,028	1,221
Lợi nhuận gộp	1,119	1,250	1,520	1,929	Thay đổi VLĐ	-365	73	-324	-609
Chi phí bán hàng	-14	-10	-12	-15	Điều chỉnh khác	-15	-286	-177	-154
Chi phí QLDN	-251	-277	-330	-414	LCTT từ HĐ KD	1,536	1,767	1,918	1,960
Lãi/lỗ HĐKD	854	963	1,178	1,500	Tiền chi mua TSCĐ	-176	-2,105	-2,737	-2,988
Doanh thu tài chính	272	181	182	175	Tiền từ đầu tư khác	-138	-235	-184	550
Chi phí tài chính	-174	-157	-220	-262	LCTT từ HĐ Đầu tư	-326	-2,353	-2,921	-2,438
Chi phí lãi vay	-143	-147	-220	-262	Tiền chi trả cổ tức	-169	-373	-324	-324
Lợi nhuận từ CTLD/LK	34	30	26	34	Vay ròng	-777	595	721	323
Lãi/lỗ khác	58	38	225	55	Tiền thu khác	0	239	239	239
Lợi nhuận trước thuế	1,040	1,050	1,391	1,502	LCTT từ HĐ Tài chính	-945	460	636	238
Thuế thu nhập DN	-209	-212	-278	-300	Dòng tiền đầu kỳ	1,208	1,473	1,350	983
LN sau thuế	830	838	1,113	1,202	Tiền trong kỳ	265	-123	-367	-240
CDTS	161	172	201	212	Dòng tiền cuối kỳ	1,473	1,350	983	743
LNST - CDTS	669	666	912	990					
EBITDA	1,707	1,768	2,141	2,423					
EPS	1,946	2,056	2,817	3,058					

	2020	2021	2022E	2023F		2020	2021	2022E	2023F
Tiền & tương đương tiền	1,473	1,349	983	743	Khả năng thanh toán				
Đầu tư ngắn hạn	1,853	1,726	1,553	1,398	Hỗ TT ngắn hạn	1.93	1.93	1.76	1.53
Phải thu ngắn hạn	1,103	1,421	1,371	1,661	Hỗ TT nhanh	1.83	1.81	1.50	1.31
Tồn kho	112	142	151	189	Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn khác	121	160	191	239	Hỗ Nợ/TTS	10%	15%	21%	22%
TS ngắn hạn	4,662	4,798	4,591	4,431	Hỗ Nợ/VCSH	18%	27%	38%	40%
TS hữu hình	5,859	6,975	9,030	10,788	Năng lực hoạt động				
Khấu hao	-4,680	-5,329	-6,076	-7,016	Số ngày HTK	6.96	7.58	7.36	6.82
TS dở dang dài hạn	156	2	2	2	Số ngày phải thu	48.67	62.50	58.03	50.21
Đầu tư dài hạn	205	194	194	194	Số ngày phải trả	33.33	33.73	28.34	27.84
TS dài hạn khác	187	357	357	357	CCC	22.30	36.35	37.05	29.19
TS dài hạn	6,428	7,639	9,694	11,452	Tỉ suất lợi nhuận				
Tổng TS	11,090	12,437	14,285	15,883	Lợi nhuận gộp	15%	17%	17%	18%
Phải trả ngắn hạn	745	617	746	936	Lợi nhuận LNST	11%	11%	13%	11%
Vay ngắn hạn	615	777	743	771	ROE	13%	12%	14%	13%
Nợ ngắn hạn khác	767	735	735	735	ROA	7%	7%	8%	8%
Tổng Nợ ngắn hạn	2,419	2,483	2,613	2,894	Định Giá				
Vay dài hạn	1,987	2,465	3,220	3,515	PE	5.05	11.07	6.5	5.98
Nợ dài hạn khác	404	534	534	534	PB	0.51	1.06	0.75	0.66
Tổng Nợ dài hạn	2,391	2,999	3,754	4,049	Tăng trưởng				
Tổng Nợ	4,811	5,483	6,367	6,943	Tăng trưởng DTT	-5%	0%	19%	26%
Vốn góp	3,237	3,237	3,237	3,237	Tăng trưởng EBIT	-8%	13%	22%	27%
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	Tăng trưởng LNTT	2%	1%	33%	8%
LN chưa phân phối	876	926	1,641	2,451	Tăng trưởng EPS	-16%	6%	37%	9%
Vốn chủ khác	773	1,014	1,062	1,062					
Cổ đông thiểu số	1,393	1,777	1,978	2,190					
Tổng VCSH	6,279	6,954	7,918	8,940					
Tổng nguồn vốn	11,090	12,437	14,285	15,883					
Số CP lưu hành (triệu)	324	324	324	324					

Nguồn: BSC Research

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PVT_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đã cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định:

PVT đang trong một đà hồi phục ngoạn mục từ vùng đáy 13.5, thanh khoản nhìn chung ủng hộ đà tăng của cổ phiếu. Tuy nhiên sau một đà tăng mạnh, cổ phiếu có lẽ sẽ cần những phiên giao dịch trong biên độ hẹp để tìm điểm cân bằng, bên cạnh đó chỉ báo RSI cũng đã gần chạm đến ngưỡng quá mua. PVT có thể sẽ có những phiên tích lũy trong vùng 19.5 - 19.9 trong ngắn hạn, nhà đầu tư có thể vào lệnh tại giá 20 khi PVT vượt lên khỏi đường trendline xu hướng giảm trung hạn, chốt lời tại ngưỡng kháng cự 23.1 và cắt lỗ khi PVT mất hỗ trợ 18.7.



Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

